

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão do Nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp chung định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 402/TTr-SXD ngày 08/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa đối với các dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão do Nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị cung ứng dịch vụ: Ban Quản lý cảng cá trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các tổ chức, cá nhân có phương tiện đường thủy, đường bộ ra, vào cảng, hàng hóa qua cảng. Các tổ chức, cá nhân sử dụng bến bãi, mặt bằng, mặt nước trong khu vực cảng để hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Đối tượng được miễn

- Phương tiện sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan Hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan thanh tra giao thông làm nhiệm vụ.

- Phương tiện vào neo, đậu để tránh thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu người bệnh, tai nạn, từ thiện.

Điều 3. Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá tối đa
I	Tàu thuyền đánh cá cập cảng (01 lượt ra, vào cảng cá không quá 24 giờ)		
1	Tàu có chiều dài từ 6m đến dưới 12m	<i>Đồng/lượt</i>	45.000
2	Tàu có chiều dài từ 12 đến dưới 15m	<i>Đồng/lượt</i>	75.000
3	Tàu có chiều dài từ 15m trở lên	<i>Đồng/lượt</i>	150.000
II	Tàu, thuyền vận tải cập cảng (01 lượt ra, vào cảng cá không quá 24 giờ)		
1	Tàu có trọng tải dưới 5 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	30.000
2	Tàu có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	60.000
3	Tàu có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	150.000
4	Tàu có trọng tải trên 100 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	240.000
III	Phương tiện vận tải (01 lượt ra, vào cảng cá không quá 24 giờ)		
1	Xe máy	<i>Đồng/lượt</i>	3.000
2	Xe máy chở hàng	<i>Đồng/lượt</i>	4.500
3	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	15.000
4	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	30.000
5	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	45.000
6	Phương tiện có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	60.000
7	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	<i>Đồng/lượt</i>	75.000
8	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	<i>Đồng/lượt</i>	15.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá tối đa
9	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên	<i>Đồng/lượt</i>	30.000
10	Các loại phương tiện khác: Xe cầu hàng, xe tặc,...	<i>Đồng/lượt</i>	75.000
IV	Hàng hóa qua cảng		
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống, xăng dầu	<i>Đồng/tấn</i>	30.000
2	Hàng hóa chở bằng Container	<i>Đồng/lượt</i>	105.000
3	Nước đá	<i>Đồng/tấn</i>	7.500
4	Các loại hàng hóa khác	<i>Đồng/tấn</i>	12.000
V	Sử dụng mặt bằng, mặt nước, bến bãi		
1	Mặt bằng, mặt nước không có mái che	<i>Đồng/m²/tháng</i>	8.000
2	Mặt bằng có mái che	<i>Đồng/m²/ngày</i>	2.250
VI	Phương tiện vận tải đậu trong cảng		
1	Thời gian sử dụng 01 tháng		
-	Xe ô tô dưới 10 tấn	<i>Đồng/tháng</i>	160.000
-	Xe ô tô trên 10 tấn	<i>Đồng/tháng</i>	220.000
2	Thời gian sử dụng 02 ngày trở lên		
-	Xe ô tô dưới 10 tấn	<i>Đồng/2 ngày</i>	12.000
-	Xe ô tô trên 10 tấn	<i>Đồng/2 ngày</i>	16.000

Mức giá quy định tại Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức quản lý, sử dụng tiền thu giá dịch vụ

1. Khi thu tiền từ dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, Ban Quản lý cảng cá phải lập và sử dụng chứng từ theo đúng quy định hiện hành.

2. Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý cảng cá căn cứ tình hình, điều kiện thực tế để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Quyết định này và niêm yết công khai nội dung thu, mức thu, phương thức thu theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, chỉ đạo và hướng dẫn Ban Quản lý cảng cá quản lý, vận hành, khai thác cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh

trú bão bảo đảm an toàn và hiệu quả. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thu tiền, quản lý và sử dụng tiền thu được từ dịch vụ sử dụng cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý cảng cá; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 5, 4.

Q_V3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng